

Bản án số: 374/2023/DS-PT

Ngày: 28-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng A, Tầng B Tòa nhà S số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh P - Cán bộ Ngân hàng Q (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2023, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Đỗ Thị Thúy L, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Nơi làm việc: Bệnh viện Q1 - Số C đường N nôi dài, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn T (vắng mặt).
2. Bà Quách Thị S (vắng mặt).
3. Ông Phạm Văn Đ1 (vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Thị M (vắng mặt).
5. Ông Phạm Văn Đ2 (có mặt).
6. Bà Nguyễn Như Ý (vắng mặt).
7. Ông Phạm Văn Đ3 (vắng mặt).
8. Bà Lê Mộng G (vắng mặt).
9. Ông Phạm Văn L1 (vắng mặt).
10. Bà Trần Hồng M1 (vắng mặt).
11. Ông Phạm Thái S1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (là nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/12/2016, vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L đã ký kết hợp đồng tín dụng số 823.HĐTD.610.16 để vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,99%/ năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và lãi suất cho vay chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Ngày 13/02/2017, vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 056.HĐTD.610.17 vay thêm số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,8%/ năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn và lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh theo quy định về lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 823A, 823B.HĐTC.610.16 ngày 10/12/2016. Ngày 30/7/2018 ông Phạm Văn Đ ký đề nghị phát hành Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với hạn mức là 70.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Sau khi vay, ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L chỉ trả cho Ngân hàng được 245.850.000 đồng vốn vay và 375.518.760 đồng tiền lãi. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên và số nợ đã chuyển thành khoản vay quá hạn từ ngày 10/3/2020. Tính đến ngày 26/3/2021, ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L còn nợ Ngân hàng 1.276.123.092 đồng trong đó nợ gốc 1.020.366.414 đồng, lãi trong hạn 24.388.722 đồng; lãi quá hạn 193.942.071 đồng, phí thẻ 37.434.885 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L tất toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q xác định, quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, đến ngày 05/5/2023 ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L đã 02 lần thanh toán nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền 970.000.000 đồng cụ thể là ngày 03/4/2022 thanh toán 670.000.000 đồng và ngày 13/7/2023 thanh toán 300.000.000 đồng, Ngân hàng đã thu nợ của số tiền trên cụ thể như sau: Đối với hợp đồng tín dụng số 823.HĐTD.610.16 ngày 10/12/2016 tính đến ngày 03/4/2022 người vay đã thanh toán hết số tiền vốn gốc là 394.550.000 đồng chỉ còn nợ lại tiền lãi là 162.889.685 đồng. Khoản vay của thẻ tín dụng đã thanh toán xong, do tính đến này 03/4/2022 ông Phạm Văn Đ đã thanh toán hết số tiền gốc 66.216.414 đồng, tiền lãi 46.070.291 đồng và phí thẻ 125.296.424 đồng, tổng cộng 237.583.129 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số 056.HĐTD.610.17 ngày 13/02/2017 tính đến ngày 03/4/2022 thì số tiền vốn gốc là 559.600.000 đồng, ông Phạm Văn Đ đã thanh toán 37.866.871 đồng, đến ngày 13/7/2023 ông Phạm Văn Đ thanh toán tiếp số tiền gốc 300.000.000 đồng nên còn nợ tiền gốc 222.250.000 đồng, tiền lãi trong hạn 29.318 đồng và tiền lãi quá hạn 305.517.475 đồng, tổng số tiền trong hai hợp đồng tín dụng ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L còn nợ là 693.499.760 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L thanh toán nợ vay, nếu người vay không có khả năng thanh toán nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phần đất có diện tích là 48.046,0m² và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau ra phát mãi để thu hồi nợ.

Ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L thống nhất về các khoản vốn vay, lãi suất vay và số tiền đã trả cho Ngân hàng nhưng không thống nhất ý kiến với Ngân hàng về cách xử lý trong việc thu hồi nợ của số tiền 970.000.000 đồng được ông Phạm Văn Đ trả trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án và không thống nhất với việc xử lý tài sản thế chấp. Ông Phạm Văn Đ cho rằng tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng có động viên ông và gia đình ông là thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng để không phát sinh lãi nhưng khi ông thanh toán thì Ngân hàng lại thu số tiền gốc, tiền lãi và cả phí thẻ của khoản vay thẻ tín dụng nên số tiền còn lại không trả hết khoản nợ gốc của hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông yêu cầu thu nợ gốc cho tất cả các khoản vay trước khi thu tiền lãi. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng ông không đồng ý vì phần đất ông thế chấp cho ngân hàng là của cha mẹ ông, khi ông thực hiện các thủ tục để vay thì trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý thành đất do ông nhận chuyển nhượng của cha mẹ ông để đủ điều kiện thế chấp cho việc vay tiền nhưng thực tế ông không có chuyển nhượng phần đất này và phần đất này cha mẹ ông và các anh em của ông đang sinh sống, canh tác và sử dụng, ông không quản lý, canh tác, sử dụng phần đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tất cả đều xác định là bà Quách Thị S, ông Phạm Văn T không có chuyển nhượng đất cho ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L mà chỉ ký thủ tục cho ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L vay tiền của Ngân hàng. Phần đất do ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S đứng tên quyền sử dụng đã được ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S cho con là ông Phạm Văn L1 phần đất vuông 6.480m² và phần nền nhà ngang 10 mét dài 40mét vào năm 2000; cho con là ông Phạm Văn Đ3 phần đất vuông là 6.480m² và phần nền nhà ngang 10 mét dài

40 mét vào năm 2014; cho con là ông Phạm Văn Đ2 phần đất vuông là 6.480m² và phần nền nhà ngang 10 mét dài 40 mét vào năm 2010; cho con là bà Nguyễn Thị M phần đất vuông là 6.480m² và phần nền nhà ngang 10 mét dài 40 mét vào năm 2008 và một phần cho con là Phạm Thái S1 cùng với tài sản là căn nhà do ông Phạm Thái S1 đang sử dụng. Tất cả các phần đất và nhà nêu trên đã được những người con của ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S ở và sử dụng ổn định trước khi ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L thế chấp cho Ngân hàng và việc ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L thế chấp tài sản trên cho Ngân hàng thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không hề hay biết. Nhà và đất trên ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L không có quản lý, sử dụng, nên không thống nhất việc thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- Buộc ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2023 là 487.836.655 (bốn trăm tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó tiền gốc là 50.366.414 đồng, tổng tiền lãi là 437.470.241 đồng.

- Buộc ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền lãi còn nợ tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 30 năm 7 năm 2018 số tiền 171.366.715 (một trăm bảy mươi một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm mười lăm) đồng.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 823A.HĐTC.610.16 ngày 10 tháng 12 năm 2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 823B.HĐTC.610.16 ngày 10 tháng 12 năm 2016 được xác lập giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị Thúy L vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc yêu cầu phát mãi tài sản của ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L để bảo đảm thu hồi nợ.

4. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trả cho ông Phạm Văn Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 159939 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp ngày 03 tháng 4 năm 2015 cấp cho ông Phạm Văn T và bà Quách Thị S sau đó chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ, thửa đất số 150, 186, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau, diện tích 48.046,0 m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/5/2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q kiện ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L để đòi tiền vay theo các Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng và áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự và Luật Tổ chức tín dụng để giải quyết tranh chấp là có căn cứ.

Đối với tất cả các khoản vốn vay, lãi suất vay và số tiền đã thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng giữa các bên thống nhất, không có ý kiến tranh chấp. Các bên chỉ tranh chấp với nhau về cách thức thu hồi nợ vốn và nợ lãi của số tiền 970.000.000 đồng được ông Phạm Văn Đ trả vào ngày 03/4/2022 là 670.000.000 đồng và ngày 13/7/2023 trả 300.000.000 đồng và không thống nhất với việc xử lý tài sản thế chấp và Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã kháng cáo nội dung tranh chấp trên.

[3] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc thu hồi nợ vốn và lãi đối với số tiền 970.000.000 đồng do ông Phạm Văn Đ trả vào ngày 03/4/2022 là 670.000.000 đồng và ngày 13/7/2023 trả 300.000.000 đồng cho thấy: Số tiền 670.000.000 đồng trả ngày 03/4/2022 được Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thu hồi toàn bộ nợ vốn còn lại của Hợp đồng tín dụng số 823.HĐTD.610.16 ngày 10/12/2016 là 394.550.000 đồng, số tiền lãi nợ lại Ngân hàng chưa thu là 162.889.685 đồng. T1 toàn bộ tiền vốn gốc là 66.216.414 đồng, tiền lãi 46.070.291 đồng, phí thẻ 125.296.424 đồng, tổng cộng 237.583.129 đồng của Hợp đồng mở thẻ tín dụng (*Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản*) ngày 30/7/2018. Số tiền còn lại 37.866.871 đồng được thu vào vốn gốc của Hợp đồng tín dụng số 056.HĐTD.610.17 ngày 13/02/2017. Tại thời điểm thu nợ thì vốn gốc của hợp đồng này còn lại là 559.600.000 đồng, được đối trừ thu qua số tiền vốn gốc là 37.866.871 đồng và số tiền vốn gốc 300.000.000 đồng do ông Phạm Văn Đ trả vào ngày 13/7/2023 nên số tiền vốn gốc còn nợ lại là 222.250.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc thu toàn bộ nợ vốn, lãi và phí thẻ của Hợp

đồng mở thẻ tín dụng mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã thu là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 18 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, do tại thời điểm thanh toán nợ vay thì toàn bộ số nợ mà ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L còn nợ đã được chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 10/3/2020 và giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L không có thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, nợ lãi tiền vay. Theo quy định tại khoản 4 Điều 18 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N thì việc thu nợ vay đã quá hạn được ưu tiên thu nợ theo thứ tự “nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau”. Từ đó, đã điều chỉnh việc thu nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tại Hợp đồng mở thẻ tín dụng (*Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản*) ngày 30/7/2018 với tiền vốn gốc là 66.216.414 đồng. Còn lại tiền lãi 46.070.291 đồng, phí thẻ 125.296.424 đồng tổng cộng bằng 171.366.715 đồng được chuyển sang thu nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 056.HĐTD.610.17 ngày 13/02/2017. Việc điều chỉnh thu nợ vốn gốc, nợ lãi được Tòa án cấp sơ thẩm điều chỉnh là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định chung.

Từ việc điều chỉnh thu nợ vốn vay và lãi suất của cấp sơ thẩm đã xác định ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L còn nợ và cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 823.HĐTD.610.16 ngày 10/12/2016 là 162.889.685 đồng; Hợp đồng tín dụng số 056.HĐTD.610.17 ngày 13/02/2017 tính đến ngày 08/5/2023 nợ vốn gốc là 50.366.414 và 274.580.556 đồng tiền lãi. Đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng (*Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản*) ngày 30/7/2018 ông Phạm Văn Đ còn nợ tiền lãi 46.070.291 đồng, phí thẻ 125.296.424 đồng, đây là khoản nợ riêng của ông Phạm Văn Đ và buộc ông Phạm Văn Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là phù hợp và có căn cứ.

Xét về việc thế chấp tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp cho thấy: Để đảm bảo cho việc vay tiền, giữa ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L đã ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 823A.HĐTC.610.16 và số 823B.HĐTC.610.16 ngày 10/12/2016, tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 48.046,0m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 159939 cấp ngày 03/4/2015 do ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S đứng tên và được điều chỉnh chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ. Hợp đồng thế chấp trên được thực hiện đúng thủ tục quy định. Tuy nhiên, ngoài việc thẩm định tài sản thế chấp được thực hiện sau ngày ký kết hợp đồng thế chấp thì tại thời điểm thế chấp, tài sản thế chấp không do ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L quản lý sử dụng mà đang do ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S cùng với nhiều người con của ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S quản lý sử dụng. Phần đất thế chấp đã được ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S phân chia cho nhiều người con để cất nhà ở và canh tác ổn định trước khi ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L thế chấp cho Ngân hàng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được điều chỉnh theo hình thức chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ không được bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận mà cho rằng chỉ ký thủ tục cho ông Phạm Văn Đ vay tiền mà thôi. Ông Phạm Văn Đ thì cũng thừa nhận là không có việc nhận chuyển nhượng đất mà chỉ

hợp thức hóa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho thủ tục, điều kiện vay tiền của Ngân hàng. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không thực hiện đúng việc xem xét, xác minh, thẩm định tài sản thế chấp nên dẫn đến việc thế chấp tài sản không đảm bảo quy định của pháp luật. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 823A.HĐTC.610.16 ngày 10 tháng 12 năm 2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 823B.HĐTC.610.16 ngày 10 tháng 12 năm 2016 được xác lập giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị Thúy L vô hiệu và buộc Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Đ là có căn cứ. Do Hợp đồng thế chấp tài sản bị vô hiệu nên yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp không được chấp nhận.

Riêng đối với phần đất có diện tích 48.046,0m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 159939 cấp ngày 03/4/2015 do ông Phạm Văn T, bà Quách Thị S đứng tên và được điều chỉnh chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ, nếu các bên có tranh chấp về quyền sử dụng đất thì được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[4] Từ các nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định chung.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Căn cứ vào Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 122, 131, 325, 326 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

- Buộc ông Phạm Văn Đ, bà Đỗ Thị Thúy L cùng chịu trách nhiệm trả cho

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08 tháng 5 năm 2023 là 487.836.655 đồng (*bốn trăm tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng*), trong đó tiền gốc là 50.366.414 đồng, tiền lãi là 437.470.241 đồng.

Kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Buộc ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền lãi và phí thế còn nợ tại Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 30/7/2018 số tiền là 171.366.715 đồng (*một trăm bảy mươi một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm mười lăm đồng*).

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 823A.HĐTC.610.16 ngày 10/12/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 823B.HĐTC.610.16 ngày 10/12/2016 được xác lập giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị Thúy L vô hiệu. Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trả cho ông Phạm Văn Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 159939, cấp ngày 03/4/2015 do ông Phạm Văn T và bà Quách Thị S đứng tên (được điều chỉnh chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ).

- Ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.513.466 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm mười ba nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*). Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 8.568.335 đồng (*tám triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 1.714.819 đồng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.639.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00062212 ngày 05/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền 22.924.181 đồng (*hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi một đồng*).

3. Án phí dân sự phúc thẩm Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011211 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương

